

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2021/DS-PT  
Ngày: 06-12-2021  
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thu

*Các Thẩm phán:*

Ông Lê Minh Tuấn

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 70/2020/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 84/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị N, sinh năm 1932;

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

*Người đại diện hợp pháp của bà N:* Ông Hoàng Văn Tr, sinh năm 1991;

Địa chỉ: B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ liên lạc: Số 115, Quốc lộ 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 12-12-2020).

**- Bị đơn:** Bà Lâm Phan Mộng T, sinh năm 1982;

Địa chỉ cư trú: Số 55, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

*Người đại diện hợp pháp của bà T:* Ông Lương Anh T1, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: Số 55, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 06-12-2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lương Anh T1, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: Số 55, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

2. Bà Phan Thị B, sinh năm 1956;

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956;

Địa chỉ cư trú: Số 41, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Hồ Thị N – Nguyên đơn.

(Ông Tr, ông T1 có mặt; bà B, ông H vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 30-9-2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01-9-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị N do ông Văn Tuấn K đại diện trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất 1187, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.608m<sup>2</sup> (trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ và 1.208m<sup>2</sup> đất vườn), tọa lạc tại xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, là của cha ông tên Văn Thế Chấm (đã chết trong thời kỳ chiến tranh). Sau khi cha ông chết để lại cho mẹ ông là bà Hồ Thị N phần đất trên. Ngày 05-3-1996, mẹ ông được Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 062209, trong đó có thửa đất 1187. Khi mẹ ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không tiến hành đo đạc thực tế và không ký giáp ranh với các hộ dân xung quanh.

Giáp ranh thửa đất số 1187 của mẹ ông là thửa đất số 926, tờ bản đồ số 9 của bà Lâm Phan Mộng T (chủ cũ là bà Phan Thị B). Trước đây, ranh giới giữa hai bên có một bờ đi công cộng chiều ngang từ 1,5m đến 1,6m, nhưng không thể hiện trên bản đồ. Khoảng năm 1975, mẹ bà B đào mương để làm đường thoát nước vào ruộng. Năm 2016, sau khi mẹ bà B mất thì bà B về đây sinh sống, gia đình bà B móc đất làm đường mương, lấn hết lối đi công cộng. Để cho bà con trong xóm có đường đi lại, ông dồn hàng hoa dâm bụt của gia đình để tạo đường đi công cộng chiều ngang khoảng 1,5m – 1,6m. Lối đi hiện nay là đất của gia đình ông, còn lối đi công cộng trước đây nằm sang phần đất của bà B mà bà B đã bán cho bà T.

Tháng 8-2018, nhà nước tiến hành đo đạc lại thì gia đình ông phát hiện đất của mẹ ông bị mất rất nhiều. Năm 2019, ông mới biết bà B đã chuyển nhượng thửa đất 926 cho bà Lâm Phan Mộng T. Tháng 4-2019, bà T tiến hành xây hàng rào lấn chiếm một phần thửa đất 1187 của ông, diện tích 92,1m<sup>2</sup> tại Khu C, D của Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 648-2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức phê duyệt ngày 30-10-2019.

Theo bản đồ mới, thì ranh giới giữa hai bên có một lối đi công cộng. Do đó, mẹ ông làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú giải quyết. Ngày 08-8-2019 và ngày 15-8-2019, Ủy ban xã mời bà T đến hòa giải nhưng bà T vắng mặt nên Ủy ban lập biên bản không hòa giải được. Hiện phần đất tranh chấp do vợ chồng bà T đang quản lý sử dụng và đã xây dựng hàng rào kiên cố.

Nay, bà N yêu cầu bà T phải tháo dỡ hàng rào và trả cho bà N quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 92,1m<sup>2</sup> tại Khu C, D của Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 648-2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tại huyện Bến Lức phê duyệt ngày 30-10-2019. Ngoài ra, bà N không yêu cầu gì thêm.

*Bị đơn, bà Lâm Phan Mộng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn T1 thống nhất trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất 926, tờ bản đồ số 9, diện tích 698,9m<sup>2</sup> là do bà Lâm Phan Mộng T nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị B. Giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng. Ông T1, bà T đã giao đủ tiền cho bà B và hai bên cũng đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng. Đến ngày 17-01-2019, bà T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bà T nhận chuyển nhượng có tiến hành đo đạc thực tế nhưng không ký giáp ranh với các hộ dân xung quanh do giáp ranh đất của bà T toàn bộ là đường công cộng. Khoảng tháng 6-2019, vợ chồng ông T1 bà T tiến hành xây hàng rào bao quanh đất. Giữa thửa 926 của bà T và thửa 1187 của bà N có bờ ranh là một lối đi công cộng, đây cũng là ranh giới giữa hai bên.

Trước yêu cầu của bà N, ông T1 bà T không đồng ý vì hoàn toàn không lấn chiếm đất của bà N, mà nhận chuyển nhượng hợp lệ từ bà B. Hơn nữa, thửa đất 926 và 1187 được ngăn cách bởi lối đi công cộng rộng 1,6m và thực tế việc xây dựng hàng rào nằm trên thửa đất 926, ông bà không xâm phạm lối đi công cộng. Hiện phần đất tranh chấp do ông bà đang quản lý, sử dụng và đã xây dựng hàng rào bê tông kiên cố.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị B trình bày:*

Ngày 17-02-2018, bà cùng chồng là ông Nguyễn Văn H có chuyển nhượng cho bà Lâm Phan Mộng T diện tích 698,9m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 373 do bà đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng bà T có mời cán bộ địa chính xuống đo đạc. Do phần đất của bà T bị cong, để cho bà T xây hàng rào được thẳng nên bà tự nguyện cho bà T đầu giáp đường công cộng 4,5m một phần đất có chiều ngang 0,3m, đầu giáp kênh ngang 0,5m. Phần đất này bà vẫn đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Hồ Thị N tranh chấp với bà T bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 70/2020/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 157, 158 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 3, 12, 99, 100, 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Điều 175, 176 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị N về việc yêu cầu bà Lâm Phan Mộng T trả lại phần đất có diện tích 92,1 m<sup>2</sup> thuộc khu C, D, theo Mảnh trích đo địa chính số 648-2019 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 07-01-2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 30-10-2019.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07-12-2020, nguyên đơn bà Hồ Thị N kháng cáo đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bà T trả lại diện tích đất lấn chiếm thuộc khu B, C và D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với khu C và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Nguyên đơn bà Hồ Thị N do ông Hoàng Văn Tr đại diện trình bày:*

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất của bà B có diện tích tăng, đất bà N giảm. Khu D là đất của bà N chưa ra để làm đường đi bị bà T lấn chiếm. Đề nghị Tòa án thu thập tại Ủy ban nhân dân xã để xem khu B có phải là lối đi công cộng không; khu F, cơ quan có thẩm quyền chưa có ý kiến về việc bà T lấn chiếm đất.

*Bị đơn bà Lâm Phan Mộng T do ông Lương Anh T1 đại diện trình bày:*

Ông khẳng định bà T không có lấn chiếm đất của bà N. Bà T nhận chuyển nhượng từ bà B, có tiền hành đo đạc nhưng không có ký giáp ranh với bà N, vì đất của bà T giáp ranh với lối đi công cộng, không có giáp ranh với đất của bà N. Ông và bà T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N. Ông và bà T không có tranh chấp khu C. Nay bà N rút yêu cầu khởi kiện đối với khu C, ông và T cũng đồng ý.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:*

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Theo Mảnh trích đo 648, giữa thửa đất số 1187 và thửa 926 là lối đi công cộng được Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú xác nhận tại Công văn số 41/UBND-TP ngày 23-4-2020. Bà N cho rằng lối đi công cộng trước đây bà B móc đất làm đường mương, lấn hết lối đi công cộng, khu D

thuộc đất của bà N nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà N còn cho rằng đất của bà Giảm do bà T lấn chiếm là không có cơ sở. Do nguyên đơn rút đơn khởi kiện đối với khu C nên hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với khu C và không chấp nhận kháng cáo của bà N.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị B và ông Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Hồ Thị N khởi kiện yêu cầu bà Lâm Phan Mộng T trả lại khu C, D diện tích 92,1m<sup>2</sup> theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 648-2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bà N do ông Tr đại diện rút đơn khởi kiện đối với khu C, có diện tích 11m<sup>2</sup>, bà T và ông T1 cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với khu C. Hơn nữa, khu C nằm ngoài ranh giới thửa đất số 926 do bị đơn xác định, bà T và ông T1 không có tranh chấp khu này.

[3] Bà Hồ Thị N khởi kiện yêu cầu bà Lâm Phan Mộng T trả lại khu C, D diện tích 92,1m<sup>2</sup> theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 648-2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú nhưng ngày 07-12-2020, bà N kháng cáo yêu cầu bà T trả lại diện tích đất lấn chiếm thuộc khu B, C và D. Do tính chất và phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử chỉ xem xét kháng cáo đối với khu D, còn khu C đã rút đơn khởi kiện, không xem xét khu B. Hơn nữa khu B theo bản đồ thuộc lối đi công cộng, bị đơn là bà T không có tranh chấp.

[4] Tại Mảnh trích đo địa chính số 648-2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 30-10-2019 thể hiện thửa đất số 1187 (thửa mới 372) do bà N đứng tên và thửa 926 do bà T đứng tên đều tiếp giáp với khu B và khu C. Bà N và bà T tranh chấp là khu D.

[5] Tại Công văn số 41/UBND-TP ngày 23-4-2020 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú xác nhận: *“Khu B hiện trạng là lối đi công cộng được hình thành từ trước năm 1975, khu C là đường thoát nước được hình thành từ khoảng năm 1979... thửa đất số 372, 926 có ranh giới rõ ràng. Ranh giới giữa hai bên là lối đi công cộng và đường thoát nước”*. Do đó, việc ông Tr yêu cầu thu thập ý kiến của Ủy ban nhân dân xã để xem khu B có phải là lối đi công cộng không đã được đáp ứng; đối với khu F, ông Tr yêu cầu thu thập ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về việc bà T lấn chiếm đất là không cần thiết vì khu này các đương sự không có tranh chấp.

[6] Tại công văn số 242/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 16-3-2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức có nội dung: *“Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu thửa đất số 1187, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.608m<sup>2</sup>, loại đất ONT của bà Hồ Thị N theo quyết định 86/QĐ.UB ngày 05-*

3-1996 của Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức. Khi cấp giấy cho bà N không có đo đạc thực tế, không có lập biên bản ký giáp ranh với các thửa liền kề; hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 926, tờ bản đồ số 9, diện tích 698,9m<sup>2</sup>, loại đất ONT từ bà Phan Thị B sang bà Lâm Phan Mộng T theo hợp đồng số 254 quyền số 01/2018-SCT/HĐ, GD được Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú chứng thực ngày 17-12-2018”.

[7] Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 926, tờ bản đồ số 9 từ bà Phan Thị B sang bà Lâm Phan Mộng T có kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 493-2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 06-12-2018 đối với thửa đất số 926 cũng thể hiện cạnh phía Tây của thửa đất giáp với lối đi công cộng rồi mới đến thửa đất số 1187 của bà N, khu D thuộc thửa 926 của bà T.

[8] Đối chiếu với bản đồ 299 (do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức cung cấp) thì thửa 926 của bà T và thửa 373 của bà Phan Thị B chính là thửa 308 và 309, cạnh phía Tây của hai thửa đất này giáp với lối đi; thửa 372 (thửa cũ 1187) của bà N chính là thửa 312, 313, cạnh phía Đông của hai thửa đất này giáp với lối đi. Do đó, bà N cho rằng bà T lấn chiếm đất của bà là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Ngoài ra, ông K và ông Tr (đại diện cho bà N) căn cứ vào diện tích đất trên giấy chứng nhận bà N được cấp là 1.608m<sup>2</sup>, đo đạc lại thì chỉ còn 1.024,4 m<sup>2</sup>, bà N bị mất 583,6 m<sup>2</sup> và cho rằng diện tích đất bà N bị mất là do bà T lấn chiếm là không có cơ sở. Bởi lẽ, đất của bà N khi cấp giấy không có đo đạc và ký giáp ranh còn thửa đất của bà T nhận chuyển nhượng có tiến hành đo đạc và xác định ranh giới, mốc giới thửa đất. Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ.

[10] Bà N kháng cáo đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bà T trả lại diện tích đất lấn chiếm tại khu D, có diện tích 81,1m<sup>2</sup> là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với khu D. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên “theo Mảnh trích đo địa chính số 648-2019 do Công ty THHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 07/01/2020”; “Bà Hồ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm” là không đúng về ngày lập Mảnh trích đo địa chính và bà Nãi không thuộc đối tượng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên cần điều chỉnh lại cho đúng ngày lập Mảnh trích đo là “ngày 14-10-2019”; “Bà Hồ Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà N là có căn cứ.

**[12] Về án phí dân sự phúc thẩm**

Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn.

**[13] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.**

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị N;

Hủy một phần bản án sơ thẩm số 70/2020/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức và đình chỉ giải quyết vụ án đối với khu C, có diện tích 11m<sup>2</sup>;

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 157, 158 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3, 12, 99, 100, 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 175, 176 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

**1.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị N về việc yêu cầu bà Lâm Phan Mộng T trả lại phần đất có diện tích 81,1m<sup>2</sup> thuộc khu D, theo Mạnh trích đo địa chính số 648-2019, của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 14-10-2019, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 30-10-2019.

**2.** Về chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Hồ Thị N phải chịu 17.700.000 đồng. Bà Hồ Thị N đã nộp xong.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Hồ Thị N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

**5.** Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thu**



